| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO**<br>**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2024/DS-PT
Ngày 03 tháng 01 năm 2024
V/v Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên. (Vắng mặt khi tuyên án)

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2023 và ngày 03 tháng 01năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về *"Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3159/2023/QĐ-PT ngày 05tháng 12năm 2023giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Lâm Ngọc H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường C, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Hồ Đức T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số A V, phường F, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021).

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Mỹ Thái B P, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Quốc lộ E, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*** Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số A Mỹ Thái B P, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:***

Luật sư Tạ Văn H1 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Q thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, ngõ E Khúc T, tổ B D, quận C, Thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ: Quốc lộ E, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Chen Hui C, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: P, khu C, Tòa nhà 18, số A đường J, quận Q, thành phố N, khu tự trị dân tộc Choang Q, K, Q, Trung Quốc.

***Người đại diện theo ủy quyền của ông* Chen Hui C*:*** Bà Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Mỹ Thái B P, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2015).

**- Người kháng cáo:** Bị đơn là bà Nguyễn Hoàng Thiên N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn - bà Lâm Ngọc H trình bày:**

Bà Lâm Ngọc H đã nhận chuyển nhượng vốn góp của ông Chen Hui C1 (Tổng giám đốc Công ty TNHH Đ) do bà Nguyễn Hoàng Thiên N là người đại diện theo ủy quyền của ông Chen Hui C ký kết. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 04/6/2019, bà H đã giao đủ số tiền trên cho người đại diện theo ủy quyền của ông Chen Hui C là bà Nguyễn Hoàng Thiên N theo phiếu thu số 26/PC2019 ngày 04/6/2019 sau khi thực hiện việc giao tiền xong thì bà Lâm Ngọc H đã được cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp số 04/GCN ngày 04/6/2019, theo đó bà Lâm Ngọc H được sở hữu giá trị phần vốn góp là 7.900.000.000đ chiếm 5% trên tổng số vốn điều lệ của Công ty TNHH Đ (mã số

doanh nghiệp số 3401006653 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp đăng ký lần đầu ngày 01/3/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 07/11/2016). Tuy nhiên, vào thời điểm nguyên đơn nhận chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH Đ (gọi tắt là công ty) thì công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để loại bỏ thành viên không góp vốn nên công ty cam kết sẽ thực hiện hồ sơ pháp lý đăng ký tên thành viên bà Lâm Ngọc H trên giấy phép công ty sau khi công ty hoàn chỉnh hồ sơ về thủ tục pháp lý tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B. Trường hợp công ty không thực hiện thì phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà Lâm Ngọc H số tiền 7.900.000.000đ.

Hiện nay, Công ty TNHH Đ đã hoàn thành các thủ tục thay đổi tỷ lệ góp vốn và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25/8/2020 nhưng ông Chen Hui C vẫn không thực hiện đưa bà Lâm Ngọc H vào thành viên công ty như đã cam kết.

Nay, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Chen Hui C - Tổng giám đốc Công ty TNHH Đ thực hiện cam kết góp vốn ngày 04/6/2019 về việc đưa bà Lâm Ngọc H là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Đ với số tiền 7.900.000.000đ tương ứng vốn cổ phần của công ty tại thời điểm nhận chuyển nhượng góp vốn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện qua đó yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hoàng Thiên N (người đã nhận tiền) phải trả số tiền đã nhận là 7.900.000.000đ và số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/01/2022) là 3.800.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tiền lãi chỉ yêu cầu số tiền gốc là 7.900.000.000đ

**Bị đơn - bà Nguyễn Hoàng Thiên N đồng thời là người đại theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Công ty Đ **trình bày:**

Bà Lâm Ngọc H là khách hàng mua căn nhà của bà N tại địa chỉ C khu N phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh qua sự giới thiệu của một người khác. Thời điểm đó do bà N gặp khó khăn nên rao bán căn nhà 08 tỷ đồng nhưng hai bên không thống nhất được giá. Đồng thời, bà H nói sẽ giới thiệu người mua 5% cổ phần Công ty TNHH Đ mà bà Nguyễn Hoàng Thiên N là người được ông Chen Hui C ủy quyền. Ngày 25/01/2018, bà H đưa ông Nguy M Giám đến gặp bà N để thương lượng mua 5% giá trị cổ phần Công ty TNHH Đ với giá 7.900.000.000đ, ông Nguy Mẫu G đã giao cho bà Nguyễn Hoàng Thiên N số tiền trên và bà N đã làm giấy chứng nhận góp vốn cho ông Nguy Mẫu G.

Ngày 04/6/2019 bà H, ông G đến nhà bà N và thống nhất việc ông Nguy M1 Giám cho bà Lâm Ngọc H đứng tên trên giấy chứng nhận góp vốn và cam

kết ngày 04/6/2019 lập Giấy chứng nhận góp vốn 5% Cổ phần Công ty TNHH Đ. Việc các bên bán cổ phần là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tuy nhiên thời điểm đó Công ty TNHH Đ đang khởi kiện công ty TNHH T2 tại Tòa án tỉnh Bình Dương nên đã cam kết sau khi hoàn thành xong thủ tục tại Tòa án thì sẽ tiến hành thủ tục góp vốn của bà Lâm Ngọc H vào công ty.

Hiện nay công ty đã hoàn thành thủ tục tại Tòa án và đang thực hiện các thủ tục theo Bản án số 03/2014/KDTM-PT ngày 26/02/2019 và sau khi hoàn tất thủ tục sẽ thực hiện đúng cam kết ngày 04/6/2019 với bà Lâm Ngọc H đưa bà H vào thành viên công ty.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:**

*Căn cứ vào:*

*- Khoản 3 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Điều 44 Luật doanh nghiệp năm 2005; - Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;*

*- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà* Lâm Ngọc H*: Buộc bà* Nguyễn Hoàng Thiên N *phải trả cho bà* Lâm Ngọc H *số tiền 7.900.000.000đ (Bảy tỷ chín trăm triệu đồng).*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định vềán phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2021, bị đơn là bà Nguyễn Hoàng Thiên N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Ông Hồ Đức T trình bày:** Qua các giấy tờ tài liệu thể hiện việc bà Nguyễn Hoàng Thiên N có nhận tiền của bà Lâm Ngọc H, vì bà N đã có ký xác nhận đối với việc nhận số tiền 7,9 tỷ đồng bằng giấy thu tiền. Bà N thừa nhận đang còn giữ 7,9 tỷ của bà H mà chưa đưa vào quỹ công ty. Giấy thu tiền do bà N ký chứ không phải kế toán, thủ quỹ Công ty ký. Về thẩm quyền, phía người đại diện Bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận không có thẩm quyền là không có cơ sở. Trong trường hợp này, bất cứ Tòa nào cũng sẽ xử cùng một đường lối buộc bà N phải trả tiền cho bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Ông Bùi Văn T1 trình bày:** Bà Lâm Ngọc H đã lợi dụng lòng tin của bà Nguyễn Hoàng Thiên N, từ đó khởi kiện việc chuyển tiền giữa hai Công ty tại tỉnh Bình Thuận. Bà N xuyên suốt quá trình tham gia xét xử tại Bình Thuận đã có đơn xin vắng mặt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn đưa vụ án ra xét xử. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã xử mà không có sự có mặt của bà N, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà N. Việc bà H đưa tiền cho bà N chưa được chứng minh cụ thể. Chỉ thay mặt cá nhân bà N theo ủy quyền, không đại diện ủy quyền cho công ty Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp giữa bà H và bà N và tuyên xử buộc bà N phải trả tiền cho bà H là phù hợp, có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự và của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là Công ty TNHH Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên được xem như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Đ.

[1.3] Tại đơn khởi kiện, bà Lâm Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc ông Chen Hui C - Tổng giám đốc Công ty TNHH Đ thực hiện cam kết góp vốn ngày 04/6/2019 về việc đưa bà Lâm Ngọc H là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Đ với số tiền 7.900.000.000 đồng tương ứng vốn cổ phần của công ty tại thời điểm nhận chuyển nhượng góp vốn, còn nếu không thực hiện thì phải trả lại số tiền 7.900.000.000 đồng cho bà H. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Ngọc H thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định lại quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền", yêu cầu bà Nguyễn Hoàng Thiên N là người trực tiếp và đang giữ của bà H số tiền 7.900.000.000 đồng phải trả lại cho bà H 7.900.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện, vì tại đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung nguyên đơn đều yêu cầu bị đơn và người có thực hiện cam kết ngày 04/6/2019 đưa bà Lâm Ngọc H vào thành viên công ty với số vốn góp 7.900.000.000 đồng tương ứng 5% vốn điều lệ của công ty TNHH Đ, nếu không thực hiện thì phải có trách nhiệm trả lại số tiền 7.900.000.000 đồng cho bà Lâm Ngọc H. Yêu cầu của nguyên đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải và thông báo đến bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại các văn bản phản hồi của bà Nguyễn HoàngThiên N1 gửi đến Tòa án đều trình bày sẽ thực hiện cam kết khi có khi bản án của Tòa án. Tại thời điểm bà Lâm Ngọc H nhận chuyển nhượng vốn góp của ông Chen Hui C (do bà Nguyễn Hoàng Thiên N là người đại diện theo ủy quyền ký kết) các bên đã cam kết sẽ thực hiện hồ sơ pháp lý đăng ký tên thành viên bà Lâm Ngọc H trên giấy phép Công ty Đ sau khi công ty hoàn chỉnh hồ sơ về thủ tục pháp lý tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận. Trường hợp công

ty không thực hiện thì phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà Lâm Ngọc H số tiền 7.900.000.000 đồng. Hiện nay Công ty Đ1 đã thực hiện xong việc điều chỉnh hồ sơ pháp lý nhưng bà Nguyễn Hoàng Thiên N và Công ty TNHH Đ vẫn chưa tiến hành thực hiện việc đăng ký bà Lâm Ngọc H trên Giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty với số cổ phần tương ứng với 7.900.000.000 đồng mà bà Nguyễn Hoàng Thiên N đã nhận và chưa đưa khoản tiền này vào Công ty Đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Lâm Ngọc H xác định việc nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Hoàng Thiên N 5% trên tổng số vốn điều lệ của Công ty TNHH Đ (mã số doanh nghiệp số 3401006653 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp đăng ký lần đầu ngày 01/3/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 07/11/2016) với giá trị 7.900.000.000 đồng. Nguyên đơn đã thực hiện việc giao tiền 7.900.000.000 đồng cho bà Nguyễn Hoàng Thiên N (người đại diện theo ủy quyền của ông Chen Hui C - Đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Đ2) theo phiếu thu số 26/PC2019 ngày 04/6/2019, sau khi thực hiện việc giao tiền xong thì bà Lâm Ngọc H đã được cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp số 04/GCN ngày 04/6/2019.

[2.2] Theo tài liệu do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh thu thập tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B thì Công ty TNHH Đ đăng ký lần đầu ngày 01/3/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 07/11/2016, công ty có vốn điều lệ 80.505.000.000 đồng, công ty có 04 thành viên bao gồm ông Chen Hui C chiếm 50% vốn điều lệ, Công ty TNHH T2 chiếm 40% vốn điều lệ, Công ty TNHH S chiếm 5% vốn điều lệ, ông Phạm Ngọc M2 chiếm 5% vốn điều lệ.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH Đ đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25/8/2020 có 04 thành viên bao gồm ông Chen Hui C chiếm 82,921% vốn điều lệ, Công ty TNHH T2 chiếm 0,494% vốn điều lệ, Công ty TNHH S chiếm 8,292% vốn điều lệ, ông Phạm Ngọc M2 chiếm 8,292% vốn điều lệ.

[2.4] Theo quy định tại Điều 44 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 về chuyển nhượng phần vốn góp:

*"... thành viên* công ty trách nhiệm hữu hạn H2 *lên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:*

*1. Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện;*

*2. Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày chào bán.”.*

Như vậy, căn cứ vào các quy định trên và các tài liệu do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án không có chứng cứ thể hiện việc bà Nguyễn Hoàng Thiên N (người đại diện theo ủy quyền của ông Chen Hui C) đã thực hiện các quy trình về chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH Đ đối với các thành viên trong công ty trước khi thực hiện việc chuyển nhượng vốn cho bà Lâm Ngọc H nên việc bà Nguyễn Hoàng Thiên N chào bán cổ phần công ty cho bà H là không đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Tại Điều 1 của Biên bản thanh lý hợp đồng số 05-HĐ ngày 04/6/2019 (Bút lục 21, 22), Phiếu thu số 26/PC2019 ngày 04/6/2019 (bút lục 19), Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 05-HĐ ngày 04/6/2019 (bút lục 23, 24, 25) các văn bản trên đều thể hiện bà Lâm Ngọc H đã giao cho bà Nguyễn Hoàng Thiên N số tiền 7.900.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Hoàng Thiên N cũng thừa nhận đã nhận của bà H số tiền 7.900.000.000 đồng, đang giữ số tiền này và chưa đưa khoản tiền này vào Công ty TNHH Đ. Bà N còn có lời trình bày thừa nhận ký vào biên nhận nhận tiền thì bà N sẽ tự chịu trách nhiệm (Bút lục số 128). Vậy nên đủ cơ sở để xác định bà Nguyễn Hoàng Thiên N đã nhận đủ số tiền 7.900.000.000đ của bà Lâm Ngọc H.

Từ ngày các bên lập cam kết 04/6/2019 đến ngày bà Lâm Ngọc H khởi kiện (ngày 08/6/2020) cho thấy bà Nguyễn Hoàng Thiên N và Công ty TNHH Đ đã vi phạm nội dung cam kết về việc không thực hiện các thủ tục để bổ sung bà Lâm Ngọc H vào thành viên của công ty với số vốn góp 7.900.000.000 đồng tương ứng với 5% cổ phần công ty TNHH Đ. Thực tế, bà Nguyễn Hoàng Thiên N là người đang giữ số tiền 7.900.000.000 đồng của bà H nên bà H yêu cầu bà N trả lại số tiền 7.900.000.000 đồng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Hoàng Thiên N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí ủy thác, bà Lâm Ngọc H tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Hoàng Thiên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Hoàng Thiên N phải chịu. Sung vào công quỹ số tiền 300.000 đồng mà Công ty TNHH Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ  Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đ.

2. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Hoàng Thiên N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc H. Buộc bà Nguyễn Hoàng Thiên N phải trả cho bà Lâm Ngọc H số tiền 7.900.000.000đ (Bảy tỷ chín trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

4. Chi phí tố tụng: Bà Lâm Ngọc H phải chịu số tiền 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp về dân sự đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0008011 ngày 16/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Ngọc H không phải chịu. Trả lại cho bà Lâm Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007317 ngày 05/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận và 28.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0005062 ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bà Nguyễn Hoàng Thiên N phải chịu 115.900.000 (Một trăm mười lăm triệu, chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Hoàng Thiên N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008042 ngày 21 tháng 03 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Sung vào công quỹ số tiền 300.000 đồng Công ty TNHH Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008043 ngày 21 tháng 03 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bình Thuận; (1)
- VKSND tỉnh Bình Thuận; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Ngọc Huynh**